TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2020/QĐST-HNGĐ	*Vũ Thư, ngày 25 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Ngô Hải T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

- Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1995

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn D, xã M, huyện K, tỉnh Thái Bình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T ở thôn M, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên tranh cãi với nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào cuối năm 2019, chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã M, huyện K sống, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải, động viên cho anh chị nhưng

không có kết quả. Nay anh chị đều xác định: Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa và không thể tiếp tục chung sống nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận anh chị thuận tình ly hôn. Tòa án đã giải thích các quy định pháp luật, phân tích hậu quả của việc ly hôn và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, anh chị vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng của anh T chị D đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế đã chấm dứt và không có khả năng đoàn tụ nên cần công nhận thuận tình ly hôn cho anh T chị D.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D có 01 con chung là Ngô Duy B, sinh ngày 10/8/2015. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con B, chị D tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con B cho anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh T, chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Xét thấy, sự thỏa thuận của anh T và chị D là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D có 01 con chung là Ngô Duy B, sinh ngày 10/8/2015. Ly hôn, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con B, chị D tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con B cho anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

Chị Phạm Thị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D mỗi người phải nộp 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm anh T, chị D đã nộp theo biên lai thu số 0003736 ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Anh Ngô Hải T và chị Phạm Thị D đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi Cục THADS huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (GCN kết hôn số 77, quyển số 01 ngày 10/12/2013);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)